

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2020/DS-PT
Ngày: 07-8-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY N

- T phần H đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyên.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;

Bà Nguyễn Thanh Minh C.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tây N bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc D, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 12, ấp H T, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây N; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị D: Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện T C, tỉnh Tây N (theo giấy ủy quyền ngày 06/9/2019 và ngày 16-7-2020; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lâm Văn D, sinh năm 1961; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 18, ấp Bến C, xã N Đ, huyện C T, tỉnh Tây N.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Số 73, đường Trần Hưng Đ, khu phố 4, Phường 2, T phố Tây N, tỉnh Tây N (giấy ủy quyền ngày 24/10/2019); có mặt.

- Người có quyền lợi, Đa vụ L quan:

1. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số 395, khu phố 1, phường 3, T phố Tây N, tỉnh Tây N.

2. Anh Ngô Văn H, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp Phước T 2, xã Phan, Huyện Dương Minh C, tỉnh Tây N.

- Người kháng cáo: Chị Trần Ngọc D là nguyên đơn.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tây N.

Anh Nguyễn Trọng H, anh Ngô Văn H không có L quan đến kháng cáo, kháng nghị Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2019 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của chị D là chị Đỗ Thị M trình bày:

Anh Lâm Văn D có vay tiền của chị D nhiều lần cụ thể:

- Ngày 12/10/2018 vay 20.000.000 đồng;
- Ngày 16/10/2018 vay 30.000.000 đồng;
- Ngày 25/10/2018 vay 210.000.000 đồng;
- Ngày 03/12/2018 buổi sáng vay 300.000.000 đồng; buổi chiều vay 76.800.000 đồng.

Tất cả các lần vay tiền trên anh D đều viết giấy nhận nợ, ký tên chị D giữ giấy nợ gốc. Tổng cộng là 636.800.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng; anh D trả tiền lãi được 10.400.000 đồng.

Chị D yêu cầu vợ chồng anh D và chị N trả cho chị tiền vay gốc 636.800.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng tính từ ngày 13/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, chị D đồng ý khấu trừ tiền lãi đã nhận 10.400.000 đồng; không đồng ý với yêu cầu phản tố của anh D yêu cầu chị trả số tiền 74.350.000 đồng vì đây là tiền anh D đưa chị trả cho anh H, thừa nhận chị có ghi giấy nhận số tiền 74.350.000 đồng, giấy gốc anh D giữ, chị D đã đưa anh H số tiền 74.350.000 đồng vào chiều ngày 15/7/2019.

Chị D thống nhất với lời trình bày của chị M, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn anh Lâm Văn D trình bày: Thừa nhận các giấy nhận nợ trên đều do anh viết và ký tên, tổng số tiền vay 636.800.000 đồng như chị M trình bày là đúng; khoản nợ 50.000.000 đồng vay ngày 12/10/2018 và ngày 16/10/2018 là

anh vay dùm anh Oanh để đáo hạn Ngân hàng, anh Oanh vay được tiền trả cho anh tiền gốc và lãi, anh trả cho chị D 50.000.000 đồng tiền gốc chị D không lấy mà đưa anh để đi mua đất ở Dương Minh C dùm chị D, chị D chỉ nhận tiền lãi.

Khoản nợ 210.000.000 đồng chị D đưa anh nhận trực tiếp tại Ngân hàng, nhưng anh vay dùm chị Lan để chị Lan đáo hạn tại Ngân hàng Nam Á, Chi nhánh Tây N, do anh là người giới thiệu và bảo lãnh để chị Lan vay tiền nên chị D yêu cầu anh viết giấy nợ, ngày 25/10/2018 tại Ngân hàng anh đưa chị Lan 210.000.000 đồng để trả Ngân hàng, 02 ngày sau vay lại chị Lan trả cho anh, anh đã trả cho chị D gốc và lãi, lúc trả nợ chị D để giấy nợ gốc ở nhà nên chưa đưa lại cho anh, sau đó anh có đòi giấy nợ gốc chị D nói hủy rồi.

Khoản nợ vay 300.000.000 đồng là anh vay dùm anh H để anh H đáo hạn Ngân hàng, do chị D không quen anh H nên chị D yêu cầu anh H ký giấy nợ vay của anh 300.000.000 đồng, anh ký giấy nợ vay của chị D 300.000.000 đồng, nếu anh H không trả thì anh phải trả thay. Số nợ này anh H không trả nên ngày 18/01/2019 tại Ngân hàng Nam Á anh Dương T Mỹ được giải ngân trả cho anh số tiền 900.000.000 đồng, anh trả chị D 310.000.000 đồng cộng với chị D có 190.000.000 đồng đủ để chị D mở sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng vào ngày 18/01/2019, đến ngày 25/01/2019 chị D rút hết tiền gửi. Anh yêu cầu chị D trả giấy nợ gốc chị D nói đốt bỏ rồi; số nợ 76.800.000 đồng là tiền lãi của khoản vay 300.000.000 đồng anh H vay chưa trả, chị D yêu cầu anh viết giấy nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm anh xác định chưa trả chị D 76.800.000 đồng khi nào anh H trả tiền cho anh thì anh trả chị D số tiền này.

Anh xác định đã trả hết nợ, không còn nợ chị D, không đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi như chị D yêu cầu.

Ngoài ra ngày 14/11/2019 anh D có đơn phản tố cho rằng ngày 15/7/2019 chị D có mượn của anh số tiền 74.350.000 đồng để mua đất của anh H ở Dương Minh C, chị D có viết giấy nhận tiền đưa anh giữ, nếu anh còn nợ sao chị D không khấu trừ mà viết giấy nợ. Anh yêu cầu chị D trả cho anh số tiền 74.350.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15/7/2019 đến khi kết thúc vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của anh D là chị Nguyễn Thị L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh D, không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai (bút lục số 156) chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị không biết mặt chị Trần Ngọc D, hoàn toàn không biết gì về tiền bạc, làm ăn giữa chị D và anh D, chị không nợ tiền chị D.

Người có quyền lợi, Da vụ L quan anh Ngô Văn H trình bày: Anh không có bà con họ hàng gì với chị Trần Ngọc D, anh Lâm Văn D. Anh biết chị D qua việc chị D mua đất của anh, biết anh D do trong quá trình chuyển nhượng thỏa thuận giá thì anh D có đi cùng chị D. Anh xác định không vay mượn tiền của anh D, chị D. Trước đây khoảng tháng 6/2018 anh có chuyển nhượng đất cho chị D, sau khi thỏa thuận mua bán xong thì chị D có đưa số tiền 74.500.000 đồng là tiền đặt cọc mua đất, số tiền này chị D không trực tiếp đưa cho anh mà

chị D nhờ anh D đem đến đưa anh, đất chuyển nhượng đã sang tên cho chị D xong.

Người có quyền lợi, Da vụ L quan anh Nguyễn Trọng H trình bày:

Do anh cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên có nhờ anh D mượn của chị D tiền, không nhớ ngày tháng năm chỉ nhớ năm 2018 tại quán cà phê Hoa Lan tại Cầu Quan chị D trực tiếp đưa anh mượn số tiền 300.000.000 đồng, anh nhận tiền có mặt anh D, anh D là người bảo lãnh nên chị D yêu cầu anh D phải viết giấy nợ với chị D, còn anh viết giấy nợ anh D, chị D nói nếu anh không trả thì anh D phải trả thay, khoảng 15-20 ngày sau anh có mượn chị D thêm 20.000.000 đồng ghi chung vào giấy nợ 300.000.000 đồng. Số tiền này anh D đã trả cho chị D xong vào ngày 18/01/2019, anh D điện thoại nói cho anh biết đã trả chị D 325.000.000 đồng. Tuy nhiên chị D kiện anh D thì anh không ý kiến, anh chỉ chịu trách nhiệm trả tiền cho anh D.

Bản án sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 11-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tây N đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D đối với anh Lâm Văn D, chị Nguyễn Thị N.

Buộc anh Lâm Văn D, chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho chị Trần Ngọc D tiền gốc 326.800.000 đồng và tiền lãi 36.765.000 đồng, khấu trừ tiền lãi chị D đã nhận 10.400.000 đồng; anh D và chị N còn phải trả cho chị D tiền gốc và lãi là 353.165.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D buộc anh Lâm Văn D, chị Nguyễn Thị N trả tiền gốc 310.000.000 đồng và tiền lãi 34.875.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lâm Văn D đối với chị D. Buộc chị D trả cho anh D số tiền 74.350.000 đồng và lãi 4.851.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, Da vụ thi hành án; lãi suất chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/3/2020 chị Trần Ngọc D có đơn kháng cáo, cho rằng anh D chưa trả số tiền vay 300.000.000 đồng vào ngày 03/12/2018, không đồng ý với đơn phản tố của anh D yêu cầu chị trả số tiền 74.350.000 đồng và lãi suất vì số tiền này là anh D trả cho anh H; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc vợ chồng anh D, chị N trả cho chị số tiền 636.800.000 đồng và tiền lãi 71.640.000 đồng, không đồng ý trả cho anh D 74.350.000 đồng và tiền lãi.

Ngày 25/3/2020 Viện kiểm sát nhân huyện C T, tỉnh Tây N có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị đối với bản án số: 08/2020/DS-ST, ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện C T, cho rằng số tiền 74.350.000 đồng chị D ghi giấy nợ ngày 15/7/2019 nhưng trong giấy nợ

không thể hiện thời hạn trả cũng không ghi lãi suất nên trường hợp này là vay không thời hạn và không có lãi suất, Tòa án buộc chị D phải chịu lãi suất từ ngày vay 15/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/3/2020 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tây N xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm xác định lại tiền lãi chị D phải trả đối với số tiền 74.350.000 đồng và tính lại án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tây N.

Chị Đỗ Thị M là người đại diện theo ủy quyền của chị D trình bày: Chị D thay đổi một phần kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc anh D và chị N trả cho chị 300.000.000 đồng tiền vay ngày 03/12/2018 và tiền lãi 0,75% tính từ ngày 13/12/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm; chị D không đồng ý trả số tiền 74.350.000 đồng vì đây là tiền anh D trả cho anh H chị D nhận dùm để đem đưa anh H, chị D đã đưa anh H số tiền này anh H ký nhận nhưng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết họ và tên anh H; giấy nợ vay 300.000.000 đồng và 76.800.000 đồng do con chị D (khoảng 03 tuổi) xé, chị D dán lại. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo như trên của chị D. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T thì chị không ý kiến.

Chị Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của anh D trình bày: Anh D không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị D, khoản nợ 300.000.000 đồng anh D đã trả xong tại Ngân hàng Nam Á, chứng cứ chứng minh là có cán bộ Ngân hàng nhìn thấy, khoản nợ này trả xong nên chị D xé bỏ giấy nợ gốc; đối với số tiền 74.350.000 đồng là tiền chị D mượn của anh D chị D có ghi giấy nhận tiền nên yêu cầu chị D trả cho anh D tiền gốc 74.350.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T Hội đồng xét xử xem xét tính tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây N:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và Nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T; không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Ngọc D; sửa bản án sơ thẩm về tiền lãi chị D phải trả và tính lại án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, H đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị D, anh Lâm Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện tham gia phiên tòa; chị Nguyễn Thị N vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh D và chị N.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Trần Ngọc D yêu cầu anh D và chị N trả cho chị số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất, thấy rằng:

Anh D thừa nhận có ký giấy nhận nợ với chị D số tiền 300.000.000 đồng mượn ngày 03/12/2018 nhưng anh xác định đã trả cho chị D xong tại Ngân hàng Nam Á, Chi nhánh Tây N vào ngày 18/01/2019, nguồn tiền trả là do ngày 18/01/2019 anh Dương T Mỹ được giải ngân trả cho anh số tiền 900.000.000 đồng, anh trả chị D 310.000.000 đồng, chị D có 190.000.000 đồng cộng với tiền anh trả chị D mở sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng, trả xong nợ nên chị D xé giấy nợ gốc; chị D không thừa nhận cho rằng khoản nợ 300.000.000 đồng chưa trả, giấy nợ gốc do con của chị xé.

Qua thu thập tài liệu, chứng cứ tại Ngân hàng Nam Á thể hiện ngày 18/01/2019 chị D có mở sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng như anh D trình bày; tại bút lục số 51, anh Nguyễn Hoàng Nhật Huy là cán bộ Ngân hàng Nam Á cung cấp thông tin “Anh thấy anh D đưa tiền cho chị D khoảng ba trăm mười triệu không nhớ số lẻ, nguồn tiền do anh Dương T Mỹ được giải ngân trả cho anh D”.

Xét thấy, khoản nợ 300.000.000 đồng có chứng cứ chứng minh là trả tại Ngân hàng có cán bộ Ngân hàng nhìn thấy, qua xác minh chị D có mở sổ tiết kiệm 500.000.000 đồng ngày 18/01/2019, mệnh giá tiền anh Mỹ được giải ngân phù hợp với mệnh giá tiền chị D gửi tiết kiệm. Tài liệu, chứng cứ thu thập phù hợp với lời trình bày của anh D, hơn nữa giấy nợ gốc đã bị xé cũng không còn giá trị pháp lý nên có cơ sở xác định khoản nợ 300.000.000 đồng anh D đã trả xong. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của chị D là có căn cứ.

Xét thấy, chị D kháng cáo yêu cầu anh D và chị N trả 300.000.000 đồng và tiền lãi là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với kháng cáo không đồng ý trả số tiền 74.350.000 đồng và tiền lãi, thấy rằng:

Chị D thừa nhận có viết giấy nhận tiền 74.350.000 đồng; chị D và chị M đại diện theo ủy quyền của chị D xác định đây là tiền chị D nhận từ anh D để đem trả cho anh H. Anh D, người đại diện theo ủy quyền của anh D không thừa nhận cho rằng đây là tiền chị D mượn.

Qua xác minh anh H (bút lục số 135) anh H xác định không có mượn tiền của chị D, anh D và anh D, chị D cũng không nợ tiền gì của anh H, tiền đặt cọc

mua đất 74.500.000 đồng anh D đưa anh nhận là chị D nhờ anh D đem đến đưa anh.

Xét thấy, Chị D và chị M cho rằng đây là tiền chị D nhận dùm nhưng trong giấy nợ không thể hiện nhận dùm; cho rằng chị D đã đưa anh H nhận số tiền 74.350.000 đồng, anh H có ký tên nhưng không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên anh H. Chị D, chị M không chứng minh được đây là khoản tiền nhận dùm anh D để đưa anh H nên không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị D trả cho anh D là có căn cứ.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, đề nghị tính lại tiền lãi chị D phải trả, tính lại tiền án phí theo quy định của pháp luật, thấy rằng:

Chị D thừa nhận chị ký giấy nhận tiền ngày 15/7/2019 số tiền 74.350.000 đồng. Trong giấy nhận tiền này không ghi lãi suất, không ghi thời hạn trả tiền nên đây là trường hợp vay không thời hạn, không có lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị D trả lãi từ ngày ghi giấy nợ 15/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền lãi 4.851.000 đồng là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự và khoản 1, khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Do đó Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T là có căn cứ. Tòa án cấp phúc thẩm tính lại án phí chị D phải chịu như sau: Khoản tiền 74.350.000 đồng tính lãi từ ngày có đơn phản tố 14/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/3/2020 là 03 tháng 28 ngày.

Số tiền $(74.350.000 \text{ đồng} \times 0,833\%) \times 3 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 2.417.000 \text{ đồng}$.

[5] Đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Ngọc D là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của anh Lâm Văn D là có cơ sở chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng nghị, không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Ngọc D, sửa án sơ thẩm về tiền lãi chị D phải trả cho anh D và tính lại án phí là có căn cứ.

[8] Từ những phân tích trên xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Trần Ngọc D, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tây N, chị D phải trả tiền lãi cho anh D là 2.417.000 đồng

[9] Án phí đối với yêu cầu phản tố được chấp nhận: Chị D phải chịu án phí là $74.350.000 \text{ đồng} + 2.417.000 = 76.767.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.838.350 \text{ đồng}$.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Ngọc D kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 463, 466, 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự; khoản 1, khoản 2, điểm a, khoản 3 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 11/01/2019; khoản 4 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tây N.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Ngọc D.

3. Sửa bản án sơ thẩm số: 08/2020/DS-ST ngày 11-3-2020 của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tây N.

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D đối với anh Lâm Văn D, chị Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Lâm Văn D và chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho chị Trần Ngọc D tiền gốc 326.800.000 đồng và tiền lãi 36.765.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 363.565.000 đồng, khấu trừ tiền lãi chị D đã nhận 10.400.000 đồng, anh D, chị N còn phải trả cho chị D tiền gốc và lãi là 353.165.000 (ba trăm năm mươi ba triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

3.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc D buộc anh Lâm Văn D, chị Nguyễn Thị N trả tiền gốc 310.000.000 (ba trăm mười triệu) đồng và tiền lãi 34.875.000 (ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

3.3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lâm Văn D đối với chị Trần Ngọc D. Buộc chị D trả cho anh D số tiền 74.350.000 đồng và lãi 2.417.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 76.767.000 (bảy mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Ngọc D phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố được chấp nhận là 3.838.350 đồng và 17.243.500 đồng do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, tổng cộng là 21.082.000 (hai mươi một triệu không trăm tám mươi hai nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 15.687.000 đồng theo biên lai thu số 0006275 ngày 12/9/2019 chị D còn phải nộp tiếp số tiền 5.395.000 đồng.

Anh Lâm Văn D và chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 17.658.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 1.933.000 đồng theo biên lai thu số: 0006444 ngày 15/11/2019, anh D và chị N còn phải nộp số tiền 15.725.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Ngọc D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số: 0006859 ngày 19/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tây N.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây N;
- TAND huyện C T;
- CCTHADS huyện C T;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. H ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền

T VIÊN H ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Tuyên